

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2020 về việc Ly hôn giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 BLDS;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

- Về quan hệ vợ chồng: Anh H và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị L xác định có 02 chung.

1. Tạ Văn S, sinh ngày: 22/6/1997;

2. Tạ Vũ Thị Huyền T, sinh ngày: 26/6/2006.

Khi ly hôn anh H và chị L cùng xác định cháu S đã trưởng thành tự đi làm và lo cuộc sống nên anh, chị không ý kiến gì. Còn đối với cháu T anh H và chị L thống nhất thỏa thuận chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Tạ Vũ Huyền T, sinh ngày 26/6/2006 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh H, chị L có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L (cho cháu T) là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ tháng, đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị L và anh H có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản: Chị L và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh H tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013313 ngày 12/5/2020 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân .

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÀO NGỌC HÀI

